

Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Cục Thuế tỉnh Trà Vinh

TRẦN HOÀNG KIM NGÂN*

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm mục tiêu tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Cục Thuế tỉnh Trà Vinh. Qua phân tích hồi quy Binary Logistic đối với dữ liệu dạng bảng được thu thập từ báo cáo tài chính của 153 doanh nghiệp tại tỉnh Trà Vinh, nghiên cứu chỉ ra 5 yếu tố ảnh hưởng đến hành vi Tuân thủ thuế của doanh nghiệp, gồm: (1) Hàng tồn kho/Tổng tài sản; (2) Vốn lưu động/Tổng Tài sản; (3) Quy mô doanh thu; (4) Khoản phải thu/Doanh thu; (5) Giá vốn hàng bán/Doanh thu.

Từ khóa: tuân thủ thuế, doanh nghiệp, Trà Vinh

Summary

This study aims to identify factors affecting tax compliance of enterprises at the Tax Department of Tra Vinh province. With the Binary Logistic regression for panel data collected from financial statements of 153 enterprises in Tra Vinh province, it shows that there are 05 factors affecting tax compliance of enterprises, including (1) Inventory/Total assets; (2) Working capital/Total assets; (3) Revenue; (4) Accounts receivable/Revenue; (5) Cost of goods sold/Revenue.

Keywords: tax compliance, business, Tra Vinh

GIỚI THIỆU

Trong thời gian qua, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh ngày càng gia tăng về quy mô, đa dạng ngành nghề, dẫn đến số lượt doanh nghiệp vi phạm cũng tăng từ 1.086 lượt vi phạm (năm 2016) lên 1.358 lượt vi phạm (năm 2020) (Bảng 1).

Sự gia tăng số lượt doanh nghiệp vi phạm cho thấy gánh nặng của ngành Thuế tỉnh Trà Vinh trong quản lý thuế. Do đó, bài viết này nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp, từ đó đề xuất hàm ý chính sách giúp Cục Thuế tỉnh Trà Vinh nâng cao mức độ tuân thủ thuế của doanh nghiệp, đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý thuế.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Tuân thủ thuế có thể được mô tả là mức độ mà người nộp thuế phải tuân

thủ các quy tắc và quy định về thuế (James và Alley, 2002). Việc xác định người nộp thuế có tuân thủ thuế hay không còn tùy thuộc vào việc người nộp thuế có sẵn sàng thực thi chính sách thuế cũng như các hành động theo tinh thần luật pháp (James và Alley, 2002).

Trong khi theo Hamm (1995), tuân thủ thuế được định nghĩa là người nộp thuế nộp tờ khai thuế vào thời điểm thích hợp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định của các luật thuế, các quyết định của tòa án.

OECD (2004) định nghĩa, tuân thủ thuế là phạm vi mà đối tượng nộp thuế phải hoàn thành các nghĩa vụ thuế của mình.

BẢNG 1: TỔNG HỢP SỐ LƯỢT DOANH NGHIỆP VI PHẠM PHÁP LUẬT THUẾ GIAI ĐOẠN 2016-2020

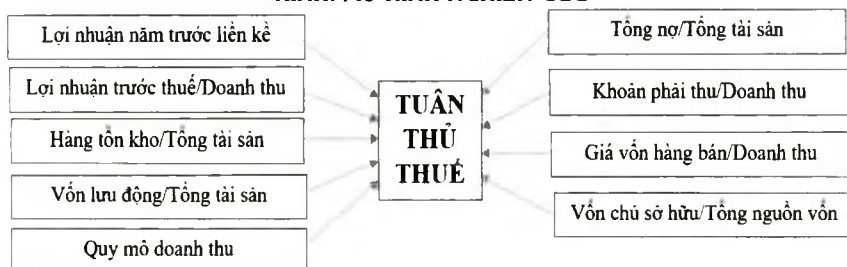
Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượt doanh nghiệp không tuân thủ về đăng ký thuế	110	126	118	91	67
Số lượt doanh nghiệp nợ thuế	496	547	563	641	680
Số lượt doanh nghiệp vi phạm phát hiện qua công tác thanh, kiểm tra thuế	238	257	262	245	214
Số lượt người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế	242	227	425	396	397
<i>Tổng cộng</i>	<i>1.086</i>	<i>1.157</i>	<i>1.368</i>	<i>1.373</i>	<i>1.358</i>

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Cục Thuế tỉnh Trà Vinh

* Cục Thuế tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận bài: 29/5/2022; Ngày phản biện: 15/6/2022; Ngày duyệt đăng: 21/6/2022

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU



Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

Nghiên cứu trong điều kiện Việt Nam, Nguyễn Thị Lệ Thúy (2011) đã đưa ra định nghĩa về tuân thủ thuế như là hành vi chấp hành nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo đúng mục đích của luật một cách đầy đủ, tự nguyện và đúng thời gian.

Từ đó, có thể hiểu, tuân thủ thuế là việc người nộp thuế thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ thuế đã được quy định trong luật thuế hiện hành.

Đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến hành vi tuân thủ thuế của người nộp thuế. Trong đó, Nguyễn Thị Kim Trang, Bùi Văn Trịnh (2021) tìm ra 6 biến độc lập ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp tại Bến Tre, gồm: Cấu trúc hệ thống thuế; Nhân tố kinh tế; Ngành kinh doanh; Nhân tố xã hội; Nhân tố tâm lý; Đặc điểm doanh nghiệp.

Phạm Minh Tiến và cộng sự (2016) nhận thấy, Cấu trúc hệ thống thuế; Đặc điểm của doanh nghiệp; Chất lượng quản trị công; Chuẩn mực xã hội có ảnh hưởng mạnh nhất đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh.

Mô hình nghiên cứu

Thông qua quá trình lược khảo các nghiên cứu có liên quan trước đây, tác giả nhận thấy, có 17 yếu tố ảnh hưởng đến hành vi Tuân thủ thuế liên quan đến các chỉ số trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp thể hiện việc thực hiện khai báo nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, bao gồm: Quy mô doanh thu; Thuế suất; Số thuế phải nộp; Thuế thực nộp/Lợi nhuận thuần; Vốn lưu động/Tổng tài sản; Tổng doanh thu/Tổng tài sản; Tổng nợ/Tổng tài sản; Vòng quay hàng tồn kho/Doanh thu; Khoản phải thu/Tổng doanh thu; Lỗ năm trước liền kề; Tiền phạt vi phạm hành chính về thuế/Số thuế phải nộp; Lợi nhuận trước thuế; Tổng tài sản; Tổng nợ; Vốn chủ sở hữu; Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu; Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu.

Tác giả tiến hành phỏng vấn 15 chuyên gia đối với 17 yếu tố trên. Căn cứ vào tỷ lệ đồng thuận của các chuyên gia, tác giả tập hợp được 7 yếu tố có tỷ lệ đồng thuận trên 50%, gồm: Quy mô doanh thu; Vốn lưu động/Tổng tài sản; Tổng nợ/Tổng tài sản; Hàng tồn kho/Doanh thu; Khoản phải thu/Doanh thu; Lỗ năm trước liền kề; Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu. Ngoài ra, các chuyên gia đề xuất bổ sung 2 yếu tố: Giá vốn hàng bán/Doanh thu và Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn.

Từ kết quả trên, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu thực nghiệm gồm 9 yếu tố ảnh hưởng đến Tuân

thủ thuế của doanh nghiệp, được thể hiện tại Hình.

Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp phân tích hồi quy Binary Logistic để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp. Mô hình hồi quy Logit được xem xét theo hai hướng: mô hình hồi quy theo hướng tác động cố định (fixed-effects) và mô hình hồi quy theo hướng tác động ngẫu nhiên (random-effects) được sử dụng để phân tích dữ liệu bảng (panel data). Kiểm định Hausman xem xét mô hình hồi quy theo hướng tác động cố định hay mô hình hồi quy tác động ngẫu nhiên phù hợp hơn.

Phương trình hồi quy Logit được đề xuất như sau:

$$Y_i = \ln(p/1-p) = \beta_0 + \beta_1 X1_{it} + \beta_2 X2_{it} + \beta_3 X3_{it} + \beta_4 X4_{it} + \beta_5 X5_{it} + \beta_6 X6_{it} + \beta_7 X7_{it} + \beta_8 X8_{it} + \beta_9 X9_{it} + U_{it} \quad (2)$$

Trong đó:

Y là biến phụ thuộc thể hiện mức độ tuân thủ thuế, có 2 giá trị: giá trị 0 đối với doanh nghiệp qua kiểm tra, thanh tra có số thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu được xem là doanh nghiệp có hành vi không tuân thủ thuế; giá trị 1 đối với doanh nghiệp qua kiểm tra, thanh tra không có số thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu được xem là doanh nghiệp tuân thủ thuế;

i là doanh nghiệp quan sát thứ i, với $i = 1-153$;

t là năm nghiên cứu, với $t = 2017-2019$;

X1 là Lợi nhuận năm liền kề;

X2 là Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu;

X3 là Hàng tồn kho/Tổng tài sản;

X4 là Vốn lưu động/Tổng tài sản;

X5 là Quy mô doanh thu;

X6 là Tổng nợ/Tổng tài sản;

X7 là Khoản phải thu/Doanh thu;

X8 là Giá vốn hàng bán/Doanh thu;

X9 là Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn;

U là sai số ước lượng trong mô hình hồi quy.

Dữ liệu hồi quy được lấy từ hệ thống dữ liệu của ngành thuế giai đoạn báo cáo tài chính từ năm 2017 đến năm 2019 của các doanh nghiệp có kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế đối với số liệu kê khai nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp niên độ từ năm 2017 đến năm 2019. Với bộ dữ liệu 153 doanh nghiệp trong giai đoạn 2017-2019, nghiên cứu có tổng cộng 459 quan sát.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định tương quan Spearman

Từ mô hình nghiên cứu đề xuất với giả thuyết 9 yếu tố ảnh hưởng đến Tuần thủ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp, tác giả thực hiện kiểm định tương quan Spearman nhằm xác định các biến độc lập có mối quan hệ với biến phụ thuộc trong bộ dữ liệu nghiên cứu.

Kết quả phân tích tương quan Spearman ở Bảng 2 cho thấy, có 8/9 biến độc lập có mối quan hệ tương quan với biến phụ thuộc Tuần thủ thuế ở mức ý nghĩa 0% và 5% gồm: Lợi nhuận năm liền kề (X1); Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (X2); Hàng tồn kho/Tổng tài sản (X3); Vốn lưu động/Tổng tài sản (X4); Quy mô doanh thu (X5); Khoản phải thu/Doanh thu (X7); Giá vốn hàng bán/Doanh thu (X8); Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (X9). Do đó, các biến này sẽ được thực hiện hồi quy logarit với biến phụ thuộc để xác định các yếu tố tác động.

Kết quả hồi quy theo hướng tác động cố định (fixed effects) và tác động ngẫu nhiên (random effects)

Kết quả hồi quy logistic với mô hình tác động cố định tại Bảng 3 chỉ ra, trong 8 biến độc lập có mối quan hệ tương quan khi đưa vào mô hình, thì chỉ có 5 biến độc lập có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa từ 0% đến 10%, gồm: Hàng tồn kho/Tổng tài sản (X3); Vốn lưu động/Tổng tài sản (X4); Quy mô doanh thu (X5); Khoản phải thu/Doanh thu (X7); Giá vốn hàng bán/Doanh thu (X8).

Kết quả hồi quy logistic với mô hình tác động ngẫu nhiên tại Bảng 4 cho thấy, trong 8 biến độc lập có mối quan hệ tương quan khi đưa vào mô hình, chỉ có 5 biến độc lập có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa từ 0% đến 5%, gồm: Lợi nhuận năm liền kề (X1), Vốn lưu động/Tổng tài sản (X4), Quy mô doanh thu (X5), Khoản phải thu/Doanh thu (X7), Giá vốn hàng bán/Doanh thu (X8).

Kiểm định Hausman

Kiểm định này được sử dụng để lựa chọn phương pháp ước lượng phù hợp giữa hai phương pháp ước lượng tác động cố định (fixed effects) và tác động ngẫu nhiên (random effects). Kết quả hàm “Hausman fe re” được Prob > chi² = 0,0001 = 0,01% < 5%. Do đó, mô hình tác động cố định (fixed effects) là mô hình tốt hơn.

BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH TƯƠNG QUAN SPEARMAN

Biến	Spearman's rho	Prob > t
Lợi nhuận năm liền kề (X1)	0,1136	0,0149
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (X2)	0,0932	0,0460
Hàng tồn kho/Tổng tài sản (X3)	-0,3076	0,0000
Vốn lưu động/Tổng tài sản (X4)	0,2935	0,0000
Quy mô doanh thu (X5)	-0,2366	0,0000
Tổng nợ/Tổng tài sản (X6)	-0,0708	0,1298
Khoản phải thu/Doanh thu (X7)	0,1450	0,0018
Giá vốn hàng bán/Doanh thu (X8)	-0,2219	0,0000
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (X9)	0,0918	0,0492

BẢNG 3: KẾT QUẢ HỒI QUY LOGISTIC VỚI MÔ HÌNH TÁC ĐỘNG CỐ ĐỊNH (FIXED EFFECTS MODEL)

	Hệ số	Sai số chuẩn	z	P > z
Lợi nhuận năm liền kề (X1)	0,717	0,760	0,94	0,346
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (X2)	-7,174	5,304	-1,35	0,176
Hàng tồn kho/Tổng tài sản (X3)	-26,310	7,365	-3,57	0,000
Vốn lưu động/Tổng tài sản (X4)	14,412	5,529	2,61	0,009
Quy mô doanh thu (X5)	-9,117	2,486	-3,67	0,000
Khoản phải thu/Doanh thu (X7)	-1,778	0,772	-2,31	0,021
Giá vốn hàng bán/Doanh thu (X8)	-11,652	6,371	-1,83	0,067
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (X9)	1,875	2,532	0,74	0,459

BẢNG 4: KẾT QUẢ HỒI QUY LOGISTIC VỚI MÔ HÌNH TÁC ĐỘNG NGẪU NHIÊN (RANDOM EFFECTS MODEL)

	Hệ số	Sai số chuẩn	z	P > z
Lợi nhuận năm liền kề (X1)	0,608	0,254	2,39	0,017
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (X2)	-0,813	0,521	-1,56	0,118
Hàng tồn kho/Tổng tài sản (X3)	-0,575	0,572	-1,00	0,315
Vốn lưu động/Tổng tài sản (X4)	2,106	0,604	3,49	0,000
Quy mô doanh thu (X5)	-0,668	0,220	-3,04	0,002
Khoản phải thu/Doanh thu (X7)	-0,635	0,289	-2,20	0,028
Giá vốn hàng bán/Doanh thu (X8)	-2,410	0,989	-2,44	0,015
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (X9)	-0,437	0,399	-1,09	0,274
_cons	8,561	2,237	3,83	0,000

BẢNG 5: KẾT QUẢ HỒI QUY LOGISTIC

	Hệ số	Sai số chuẩn	z	P > z
Hàng tồn kho/Tổng tài sản (X3)	-28,909	7,867	-3,67	0,000
Vốn lưu động/Tổng tài sản (X4)	11,407	5,536	2,06	0,039
Quy mô doanh thu (X5)	-10,619	2,391	-4,44	0,000
Khoản phải thu/Doanh thu (X7)	-1,408	0,682	-2,07	0,039
Giá vốn hàng bán/Doanh thu (X8)	-7,426	4,363	-1,70	0,089

Nguồn: Tính toán từ phần mềm Stata 16.0

Thực hiện hồi quy tác động cố định (fixed effects) đối với các biến có ý nghĩa thu được kết quả tại Bảng 5.

Kết quả hồi quy được viết lại dưới dạng phương trình như sau:

$$Y = \ln(p/1-p) = -28,909X3 + 11,407X4 - 10,619X5 - 1,408X7 - 7,426X8$$

Như vậy, có 5 yếu tố ảnh hưởng đến hành vi Tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Cục Thuế tỉnh Trà Vinh, bao gồm: Hàng tồn kho/Tổng tài sản; Vốn lưu động/Tổng tài sản; Quy mô doanh thu; Khoản phải thu/Doanh thu và Giá vốn hàng bán/Doanh thu.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Cùng với thực trạng tuân thủ thuế của doanh nghiệp trong bối cảnh số lượng doanh nghiệp hoạt động ngày càng tăng, thì vẫn còn tồn tại tình trạng một số doanh nghiệp không tuân thủ về đăng ký thuế, vi phạm nguyên tắc kê khai thuế, tính thuế liên quan đến doanh thu, chi phí, nợ thuế... Tác giả đã tìm ra 5 yếu tố ảnh hưởng đến hành vi Tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, bao gồm: Hàng tồn kho/Tổng tài sản; Vốn lưu động/Tổng tài sản; Quy mô doanh thu; Khoản phải thu/Doanh thu và Giá vốn hàng bán/Doanh thu. Mỗi yếu tố mang một ý nghĩa tác động riêng biệt cho thấy, cơ quan thuế cần có biện pháp để tăng cường quản lý doanh thu bán hàng của doanh nghiệp và tăng cường quản lý doanh nghiệp lớn, theo dõi khả năng thanh toán của doanh nghiệp như một chỉ tiêu đánh giá khả năng tuân thủ thuế của doanh nghiệp. Một số hàm ý được đưa ra như sau:

Thứ nhất, Cục Thuế tỉnh Trà Vinh cần đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp bằng nhiều phương pháp, lưu ý tận dụng các mạng xã hội, như: Youtube, Facebook... vào công tác tuyên truyền hỗ trợ. Cụ thể là, thành lập kênh hỗ trợ trực tuyến; tạo lập video hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế.

Thứ hai, xây dựng hệ thống quản lý truy xuất, đối chiếu hóa đơn giá trị gia tăng nhằm hạn chế hành

vi gian lận. Trong đó, tiến tới 100% doanh nghiệp và cá nhân, hộ gia đình kinh doanh phải sử dụng hóa đơn điện tử; 100% doanh nghiệp và cá nhân, hộ gia đình kinh doanh có cài đặt ứng dụng kế toán quản lý nhập, xuất hàng hóa và 100% doanh nghiệp và cá nhân, hộ gia đình kinh doanh có lập sổ kế toán.

Thứ ba, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra thuế để phát hiện kịp thời hành vi vi phạm của doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch thanh, kiểm tra thuế riêng đối với doanh nghiệp có quy mô doanh thu lớn. Bên cạnh đó, quan tâm đến nguyên tắc giá thị trường khi thực hiện thanh, kiểm tra quy trình mua bán hàng hóa của doanh nghiệp để tránh tình trạng kê khai gian lận, chuyển giá. Trong đó, cần phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành chức năng khác hoàn thiện cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp để phục vụ việc phân tích thông tin tuân thủ thuế của doanh nghiệp, giúp cơ quan thuế nắm bắt được tình hình thành lập, hoạt động và chấp hành pháp luật thuế của doanh nghiệp, từ đó có biện pháp xử lý và quản lý cụ thể đối với từng loại hình, ngành nghề doanh nghiệp khác nhau.

Thứ tư, ngành thuế Trà Vinh cũng cần tăng cường quản lý cán bộ, tăng cường quản lý và trách nhiệm của người đứng đầu trong thực thi công vụ, thực hiện kiểm tra, giám sát, siết chặt kỷ luật, kỷ cương khi thi hành công vụ, nhằm không để xảy ra những vụ việc tiêu cực do sự quan liêu, thiếu trách nhiệm trong quá trình thực hiện công vụ. Thường xuyên đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực công chức quản lý thuế nhằm tăng hiệu quả phục vụ người nộp thuế. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thuế tỉnh Trà Vinh (2016-2020). *Báo cáo tổng kết hoạt động các năm, từ năm 2016 đến 2020*
2. Nguyễn Thị Lệ Thúy (2011). *Quản lý thu thuế của nhà nước nhằm tăng cường sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp (nghiên cứu trên địa bàn Hà Nội)*, Nxb Văn hóa dân tộc
3. Nguyễn Thị Kim Trang, Bùi Văn Trịnh (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp tại Bến Tre, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2 tháng 10/2021
4. Phạm Minh Tiến, Phan Thị Thắng, Phạm Thị Hồng Hà (2016). Hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp: Nhìn từ phía các doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học đại học Mở TP. Hồ Chí Minh*, 11(2)
5. Hamm, J. L. (1995). *Income level and tax rate as determinants of taxpayer compliance: an experimental examination*, Doctoral dissertation, Texas Tech University
6. James, S., Alley, C. (2002). Tax Compliance, Self-Assessment and Tax Administration, *Journal of Finance and Management in Public Services*, 2(2), 27-42
7. OECD (2004). *Compliance Risk Management: Managing and Improving Tax Compliance*, Forum on Tax Administration, Centre for Tax Policy and Administration